

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN	Số: 27167
	Giờ: Ngày 19 tháng 8 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	38,10
Các cổ đông khác	291.862.730.000	61,90
Cộng	471.512.730.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672
E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 đều tăng so với cùng kỳ năm trước do đơn giá bán và sản lượng bán gia tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	10.701.748.000 VND
- Trích quỹ phúc lợi	4.280.699.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	4.000.000.000 VND
Cộng	18.982.447.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

204744
CÔNG TY
H NHIỆM H
ẾM TOÁN
TƯ VẤN
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2011





Số: 0779/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 01 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.296.961.233.294	1.141.941.249.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.920.954.989	111.656.276.573
1. Tiền	111		26.920.954.989	88.656.276.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	171.971.200.360	107.562.972.164
1. Đầu tư ngắn hạn	121		171.971.200.360	107.562.972.164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.254.701.745	500.083.103.563
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	498.694.744.093	466.935.976.739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	101.721.507.404	12.808.234.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	41.838.450.248	20.338.892.639
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		422.664.750.928	395.515.521.233
1. Hàng tồn kho	141	V.6	450.550.403.112	410.603.366.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(27.885.652.184)	(15.087.845.732)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.149.625.272	27.123.375.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	677.475.960	773.299.178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.722.271.265	14.680.336.895
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	503.778.108	530.658.754
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	15.246.099.939	11.139.080.994

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		493.430.505.065	467.445.826.633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		382.461.595.668	378.781.199.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	327.895.365.958	334.721.080.006
<i>Nguyên giá</i>	222		507.416.204.183	485.535.019.634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(179.520.838.225)	(150.813.939.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	37.732.843.465	37.878.432.783
<i>Nguyên giá</i>	228		38.799.441.240	38.798.741.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.066.597.775)	(920.308.457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	16.833.386.245	6.181.686.654
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.655.242.690	60.655.242.690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60.655.242.690	60.655.242.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.313.666.707	28.009.384.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	49.471.773.107	27.167.490.900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	841.893.600	841.893.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.790.391.738.359	1.609.387.075.987

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		737.484.823.465	729.355.080.532
I. Nợ ngắn hạn	310		716.192.055.404	704.082.734.258
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	336.846.963.259	249.283.832.136
2. Phải trả người bán	312	V.18	129.832.512.295	165.684.198.181
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	3.912.166.982	577.547.162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	33.360.036.060	34.698.238.383
5. Phải trả người lao động	315	V.21	19.729.863.811	26.421.160.944
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1.028.850.000	4.592.971.990
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	124.561.677.313	168.533.908.670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34.550.000.000	34.550.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	32.369.985.684	19.740.876.792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.292.768.061	25.272.346.274
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	19.200.000.000	23.627.560.693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	2.092.768.061	1.644.785.581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.052.906.914.894	880.031.995.455
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.052.906.914.894	880.031.995.455
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471.512.730.000	471.512.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190.492.000.000	191.808.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36.897.215.355)	(32.725.310.618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	427.799.400.249	249.436.576.073
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.790.391.738.359	1.609.387.075.987

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		372.329,69	4.215.390,61		
Euro (EUR)		444,75	426,42		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởngTrương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.628.113.789.338	1.347.739.421.029
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.786.594.277	931.412.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.620.327.195.061	1.346.808.008.816
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.326.355.278.095	1.129.046.625.305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		293.971.916.966	217.761.383.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	82.661.798.730	27.990.521.844
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.880.110.051	23.465.478.555
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.188.664.439	11.572.333.128
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	84.162.887.486	93.641.514.673
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.611.612.044	13.782.665.903
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		238.979.106.115	114.862.246.224
11. Thu nhập khác	31		201.743.986	576.151.196
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.421.400.584	69.455.644
13. Lợi nhuận khác	40		(2.219.656.598)	506.695.552
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236.759.449.517	115.368.941.776
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	39.414.178.341	19.042.247.666
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>197.345.271.176</u>	<u>96.326.694.110</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>-</u>	<u>-</u>



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		236.759.449.517	115.368.941.776
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	28.853.187.915	24.478.546.462
- Các khoản dự phòng	03	V.7	12.797.806.452	(7.627.851.897)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	3.772.368.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(25.380.067.740)	(3.477.616.463)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.188.664.439	11.572.333.128
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		272.219.040.583	144.086.721.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(126.325.415.415)	34.640.999.717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.947.036.147)	(27.202.405.302)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(89.112.944.681)	53.500.597.303
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(22.208.458.989)	499.707.073
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(19.188.664.439)	(11.856.052.375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(41.284.606.861)	(15.311.952.992)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	89.350.000	530.850.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.25	(6.442.688.108)	(3.525.033.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.201.424.057)	175.363.431.078
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(45.840.742.973)	(41.223.614.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.113.065.763)	(118.318.696.835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		65.704.837.567	87.610.045.693
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, VII	20.067.407.949	3.477.616.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.181.563.220)	(68.454.649.115)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	126.960.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(5.487.904.737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.26	849.908.920.767	107.967.485.611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.26	(766.773.350.337)	(356.867.992.281)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(25.850.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>77.647.665.693</u>	<u>(121.966.356.670)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(84.735.321.584)</i>	<i>(15.057.574.707)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>111.656.276.573</i>	<i>128.714.275.030</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>(166.434.291)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	V.1	<u>26.920.954.989</u>	<u>113.490.266.032</u>

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 đều tăng so với cùng kỳ năm trước do đơn giá bán và sản lượng bán gia tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

448-C
TY
HỮU HẠN
ẤN VÀ
ẤN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

1020
CÔNG
TÍCH NH
KIỂM
TU
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.397.654.597	4.971.584.216
Tiền gửi ngân hàng	23.523.300.392	83.684.692.357
Các khoản tương đương tiền	-	23.000.000.000
Cộng	<u>26.920.954.989</u>	<u>111.656.276.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	35.252.822.178	32.197.256.415
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	100.000.000.000	70.000.000.000
Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang vay	31.057.500.000	-
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.660.878.182	5.365.715.749
Cộng	<u>171.971.200.360</u>	<u>107.562.972.164</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32 tỷ đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	33.292.163.879	20.453.917.323
Các khách hàng nước ngoài	465.402.580.214	446.482.059.416
Cộng	<u>498.694.744.093</u>	<u>466.935.976.739</u>

Một số khoản phải thu trị giá 85 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	24.398.037.055	7.742.441.410
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	77.323.470.349	5.065.792.775
Cộng	<u>101.721.507.404</u>	<u>12.808.234.185</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	35.011.322.994	17.868.038.116
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Phải thu khác	709.255.772	2.470.854.523
Cộng	<u>41.838.450.248</u>	<u>20.338.892.639</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	84.882.960.682
Nguyên liệu, vật liệu	39.835.512.402	27.084.051.170
Công cụ, dụng cụ	3.013.276.025	2.401.572.908
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	280.696.306.187	217.794.939.402
Thành phẩm	124.914.070.388	66.770.672.102
Hàng hóa	986.432.739	222.614.917
Hàng gửi đi bán	1.104.805.371	11.446.555.784
Cộng	<u>450.550.403.112</u>	<u>410.603.366.965</u>

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị là 85 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	498.852.343	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	32.096.725	22.003.532
Thành phẩm	27.354.703.116	14.728.474.746
Cộng	<u>27.885.652.184</u>	<u>15.087.845.732</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	15.087.845.732
Trích lập dự phòng bổ sung	12.797.806.452
Số cuối kỳ	<u>27.885.652.184</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	773.299.178
Tăng trong kỳ	724.417.977
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(820.241.195)
Số cuối kỳ	<u>677.475.960</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế nhập khẩu nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho nhân viên Công ty.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	164.797.696.297	313.945.614.464	5.937.983.403	853.725.470	485.535.019.634
Mua sắm mới	2.242.212.500	19.638.972.049	-	-	21.881.184.549
Số cuối kỳ	<u>167.039.908.797</u>	<u>333.584.586.513</u>	<u>5.937.983.403</u>	<u>853.725.470</u>	<u>507.416.204.183</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.220.059.585	21.650.971.839	891.183.056	344.261.034	25.106.475.514
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	23.861.798.405	123.410.291.773	2.899.403.164	642.446.286	150.813.939.628
Khấu hao trong kỳ	5.461.274.641	22.750.041.265	418.975.079	76.607.612	28.706.898.597
Số cuối kỳ	<u>29.323.073.046</u>	<u>146.160.333.038</u>	<u>3.318.378.243</u>	<u>719.053.898</u>	<u>179.520.838.225</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	140.935.897.892	190.535.322.691	3.038.580.239	211.279.184	334.721.080.006
Số cuối kỳ	<u>137.716.835.751</u>	<u>187.424.253.475</u>	<u>2.619.605.160</u>	<u>134.671.572</u>	<u>327.895.365.958</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 177.563.344.016 VND và 112.590.652.540 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.258.511.450	540.229.790	38.798.741.240
Tăng trong kỳ	700.000	-	700.000
Số cuối kỳ	38.259.211.450	540.229.790	38.799.441.240
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	507.095.943	413.212.514	920.308.457
Khấu hao trong kỳ	104.916.402	41.372.916	146.289.318
Số cuối kỳ	612.012.345	454.585.430	1.066.597.775
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.751.415.507	127.017.276	37.878.432.783
Số cuối kỳ	37.647.199.105	85.644.360	37.732.843.465
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.067.767.850 VND và 13.455.755.505 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	2.507.323.090	2.507.323.090
XDCB dở dang	5.449.505.498	5.641.780.351	11.091.285.849
<i>Công trình nhà xưởng số 1</i>	75.386.075	-	75.386.075
<i>Công trình nhà xưởng số 3</i>	1.920.571.250	387.450.952	2.308.022.202
<i>Chi phí đào ao nuôi cá</i>	3.453.548.173	5.254.329.399	8.707.877.572
Sửa chữa lớn TSCĐ	732.181.156	2.502.596.150	3.234.777.306
Cộng	6.181.686.654	10.651.699.591	16.833.386.245

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	5.200.371	52.003.709.506	5.200.371	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Cộng		60.655.242.690		60.655.242.690

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	9.244.468.569	4.391.970.941	(2.076.828.562)	11.559.610.948
Tiền thuê đất	17.923.022.331	21.835.512.955	(1.846.373.127)	37.912.162.159
Cộng	27.167.490.900	26.227.483.896	(3.923.201.689)	49.471.773.107

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	168.000.000.000	198.800.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	71.009.975.006	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	97.836.988.253	50.483.832.136
Cộng	336.846.963.259	249.283.832.136

- (i) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, một số công trình trên đất thuộc phân xưởng 3 và bằng việc cầm cố 2 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 85 tỷ đồng và một số khoản phải thu trị giá 85 tỷ đồng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	249.283.832.136
Số tiền vay phát sinh	849.908.920.767
Số tiền vay đã trả	(762.345.789.644)
Số cuối kỳ	336.846.963.259

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	125.645.287.978	134.599.102.940
Nhà cung cấp nước ngoài	4.187.224.317	31.085.095.241
Cộng	<u>129.832.512.295</u>	<u>165.684.198.181</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	1.021.432.510	312.022.075
Các khách hàng nước ngoài	2.890.734.472	265.525.087
Cộng	<u>3.912.166.982</u>	<u>577.547.162</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		12.204.892.304	(12.204.892.304)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(530.658.754)	4.353.307.580	(4.326.426.934)	(503.778.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.431.111.653	39.414.178.341	(41.284.606.861)	32.560.683.133
Thuế thu nhập cá nhân	267.126.730	987.666.166	(455.439.969)	799.352.927
Tiền thuế đất		386.399.989	(386.399.989)	-
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>34.167.579.629</u>	<u>57.349.444.380</u>	<u>(58.660.766.057)</u>	<u>32.856.257.952</u>

(*) Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	236.759.449.517	115.368.941.776
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	800.594.700	69.455.644
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(27.110.215.135)</u>	<u>(4.243.209.514)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	210.449.829.082	111.195.187.906
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được giảm 50%	105.586.231.434	70.052.394.473
- Thu nhập của hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	104.863.597.648	41.142.793.433
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	52.612.457.270	27.798.796.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	<u>(13.198.278.929)</u>	<u>(8.756.549.310)</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>39.414.178.341</u>	<u>19.042.247.666</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí vận chuyển	1.028.850.000	47.710.000
Cộng	<u>1.028.850.000</u>	<u>4.592.971.990</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Kinh phí công đoàn	2.075.904.061	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	955.668.196	554.638.042
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	13.125.777.985	65.161.572.388
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	105.303.589.416	99.820.646.049
Các khoản phải trả khác	<u>3.055.337.655</u>	<u>1.257.813.109</u>
Cộng	<u>124.561.677.313</u>	<u>168.533.908.670</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập		Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
		từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	16.059.953.789	14.701.748.000	-	(4.125.000.000)	26.636.701.789
Quỹ phúc lợi	3.680.923.003	4.280.699.000	89.350.000	(2.317.688.108)	5.733.283.895
Cộng	19.740.876.792	18.982.447.000	89.350.000	(6.442.688.108)	32.369.985.684

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phần xướng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m².

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	19.200.000.000
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	19.200.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	23.627.560.693
Số tiền vay đã trả	(4.427.560.693)
Số cuối kỳ	19.200.000.000

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập bổ sung	573.097.480
Số đã chi	(125.115.000)
Số cuối kỳ	2.092.768.061

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm trước	118.232.730.000	-	-	-	118.232.730.000
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	-	-	-	(9.422.100.000)	(9.422.100.000)
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(108.810.630.000)	(108.810.630.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	186.291.721.869	186.291.721.869
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Phát hành cổ phiếu	27.600.000.000	99.360.000.000	-	-	126.960.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32.725.310.618)	-	(32.725.310.618)
Số dư cuối năm trước	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Số dư đầu năm nay	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.316.000.000)	-	-	(1.316.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	197.345.271.176	197.345.271.176
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	(18.982.447.000)	(18.982.447.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4.171.904.737)	-	(4.171.904.737)
Số dư cuối kỳ	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	427.799.400.249	1.052.906.914.894

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.628.113.789.338	1.347.739.421.029
- Doanh thu bán hàng hóa	381.973.017.724	322.786.039.277
- Doanh thu bán thành phẩm	1.023.553.771.154	860.953.835.421
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	2.527.524.404	2.493.540.785
- Doanh thu bán phụ phẩm	199.732.840.029	160.836.989.086
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	669.016.460
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.786.594.277)	931.412.213
- Giảm giá hàng bán	(67.191.505)	(97.123.445)
- Hàng bán bị trả lại	(7.719.402.772)	(834.288.768)
Doanh thu thuần	<u>1.620.327.195.061</u>	<u>1.346.808.008.816</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	380.980.220.559	322.786.039.277
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.016.759.974.042	860.022.423.208
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	2.527.524.404	2.493.540.785
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	199.732.840.029	160.836.989.086
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	669.016.460

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	347.037.338.935	300.677.330.953
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	794.327.838.464	683.045.710.742
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	2.826.789.113	2.668.611.489
Giá vốn của phụ phẩm đã cung cấp	169.365.505.131	150.282.824.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.797.806.452	(7.627.851.897)
Cộng	<u>1.326.355.278.095</u>	<u>1.129.046.625.305</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.927.850.017	149.207.213
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	200.749.597	264.217.539
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.326.166.719	-
Lãi tiền cho vay	7.460.162.432	3.328.409.250
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	665.888.572	1.862.535.422
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.080.981.393	22.386.152.420
Cộng	82.661.798.730	27.990.521.844

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.188.664.439	11.572.333.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.772.368.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.691.445.612	8.120.777.427
Cộng	40.880.110.051	23.465.478.555

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.292.791.713	2.210.265.331
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	254.101.000	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.872.045	23.490.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.012.956.130	62.827.480.967
Chi phí khác	35.555.166.598	28.529.556.964
Cộng	84.162.887.486	93.641.514.673

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.651.796.826	4.105.970.159
Chi phí đồ dùng văn phòng	487.969.464	272.171.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.677.399.420	781.365.252
Thuế, phí và lệ phí	1.093.637.339	275.251.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.159.250	815.850.000
Chi phí khác	3.340.649.745	7.532.057.550
Cộng	12.611.612.044	13.782.665.903

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho thuê ao	291.666.669	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.475.968	-
Chi phí khác	2.126.257.947	69.455.644
Cộng	2.421.400.584	69.455.644

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	640.066.803.819	525.502.408.279
Chi phí nhân công	86.183.014.460	67.092.380.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.853.187.915	24.478.546.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.484.772.384	139.873.309.158
Chi phí khác	58.248.062.323	50.288.697.688
Cộng	1.001.835.840.901	807.235.341.913

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định, các khoản lãi tiền gửi và lãi cho vay như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	4.326.928.327	978.491.515
Ứng trước mua tài sản cố định	24.398.037.055	7.742.441.410
Lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu	552.600.000	2.066.879.098
Lãi cho vay chưa thu	11.669.401.680	4.842.462.791
Cộng	44.401.373.139	15.630.274.814

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có cam kết bảo lãnh cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh lần lượt là 40 tỷ đồng và 200 tỷ đồng.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Mua nguyên liệu	21.319.371.440	15.027.266.150
Bán hàng hóa	115.437.661	85.820.563
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên liệu	11.108.071.100	12.933.191.700
Bán hàng hóa	395.769.521	191.566.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	6.995.754.189	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	9.729.795.700	93.385.000
Cộng nợ phải thu	16.725.549.889	5.706.852.744
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	10.304.633.600	-
Cộng nợ phải trả	10.304.633.600	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.565.307.000 VND (kỳ trước là 2.342.084.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	409.094.285.580	294.978.042.119
Cho vay ngắn hạn	93.000.000.000	65.255.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	6.836.938.889	2.424.313.417
Bán hàng hóa, dịch vụ	315.849.840.817	87.977.214.732
Bán phụ phẩm	11.691.741.060	6.768.064.000
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Bán thành phẩm	462.783.677.207	403.212.481.285
Bán hàng hóa	1.561.441	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11.319.305.922	210.977.578.117
Bán hàng hóa, dịch vụ	3.132.926.883	2.483.930.954
Bán thành phẩm	9.162.580.363	9.131.609.375
Ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	47.932.445.105	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Cung cấp dịch vụ	16.911.363.803	-
Bán nguyên vật liệu	2.204.884.630	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	244.266.086.870	-
Cho vay ngắn hạn	31.057.500.000	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	14.633.380.134	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền cho vay	100.000.000.000	70.000.000.000
Phải thu tiền thu hộ và lãi cho vay	35.011.322.994	17.868.038.116
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	318.609.356.483	317.540.388.928
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	-	879.294.941
Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	5.611.237.917	5.343.401.273
Phải thu tiền cho vay	31.057.500.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>496.407.288.876</u>	<u>411.631.123.258</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải trả tiền hàng	65.954.858.181	105.182.080.412
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả khác	138.675.040	128.737.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	13.125.777.985	65.161.572.388
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.752.867.000	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	105.303.589.416	99.820.646.049
Cộng nợ phải trả	<u>189.275.767.622</u>	<u>270.293.036.449</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	1.130.386.555.383	1.146.066.981.010
Trong nước	489.940.639.678	200.741.027.806
Cộng	<u>1.620.327.195.061</u>	<u>1.346.808.008.816</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.938.969.870	1.792.975.758
Trên 01 năm đến 05 năm	5.077.848.696	5.532.543.288
Trên 05 năm	1.515.436.830	1.608.435.371
Cộng	<u>8.532.255.396</u>	<u>8.933.954.417</u>

Công ty thuê văn phòng chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, bãi bồi cồn Bình Thạnh và cồn Ngâm dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2004 đến năm 2028 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê văn phòng chi nhánh được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

